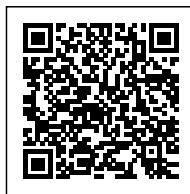


PHẬT GIÁO ĐẠI VIỆT THỜI VUA LÊ CHÚA TRỊNH



GIÁO LÝ - LỊCH SỬ - TRIẾT HỌC



Sử liệu cho biết, mỗi khi có việc quan trọng, Trịnh Tùng đều cử thuộc cấp đến chùa tế lễ, chẳng hạn như năm 1592, đến lễ ở chùa Thiên Xuân, huyện Thanh Oai (nay thuộc thôn Phùng Khoang, quận Hà Đông, Hà Nội); Năm Nhâm Tý (1612), đến lễ cầu an tại Huyền Thiên huyện Thọ Xương...

NNC Nguyễn Đại Đồng

Bối cảnh lịch sử

Trịnh Kiểm (9.1503 – 3.1570), quê làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Thuở hàn vi nghèo túng thường đi làm nghề đạo chích (ăn trộm) để nuôi mẹ. Lớn lên ông khỏe mạnh hơn người theo Hưng quốc công Nguyễn Kim nổi quân chống nhà Mạc. Nguyễn Kim thấy ông có sức khỏe và có tài thao lược nên gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho, cất nhắc phong đến tước hầu cho coi binh mã. Trịnh Kiểm lập nhiều chiến công trong các trận đánh quân Mạc. Lại được sai sang Ai Lao đón Lê Trang Tông, vua thấy ông trang mạo khác thường, phong làm Đại tướng quân, tước Dực quận công. Lúc đó ông mới 37 tuổi.

Năm Ất Tỵ (1545), Hưng quốc công mất, Trịnh Kiểm lên thay điều khiển tướng sĩ, được phong làm Tiết chế các dinh thủy bộ ở các xứ, Thái phó Lượng quốc công, kiêm nắm các việc quân quốc trọng yếu. Lại được phong Thượng tướng Thái quốc công. Ông trải giúp ba triều Trang Tông, Trung Tông và Anh Tông, mất năm 1570, cầm quyền 25 năm, thọ 68 tuổi.

Trịnh Kiểm đã đặt nền móng cho các hậu duệ của mình hoàn thành sự nghiệp trung hưng Nhà Lê, khôi phục Đông Kinh, mở ra triều đại lâu dài của các vua Lê-chúa Trịnh.

1. Chúa Thành Tổ Triết vương Trịnh Tùng (1570-1623)

Ông sinh tháng 12 năm 1550, là con trai thứ 2 của Thế Tổ Minh Khang Thái vương Trịnh Kiểm và bà Nguyễn Thị Ngọc Bảo con gái Nguyễn Kim. Năm 1570, Trịnh Kiểm qua đời, Trịnh Tùng lên nắm quyền. Năm Nhâm Thìn (1592), Trịnh Tùng tiến đánh Thăng Long, đánh bại được nhà Mạc, bắt Mạc Mậu Hợp, khôi phục lại cơ đồ nhà Lê.

Năm Ất Mùi (1595), Trịnh Tùng vào Thăng Long, tiến hành tổ chức bộ máy chính quyền theo vương triều cũ nhà Lê với đầy đủ ban bệ. Trịnh Tùng được mở phủ Chúa, đặt quan thuộc. Từ đấy phàm những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân đều thuộc quyền Trịnh Tùng. Vua Lê chỉ còn giữ hai việc là thiết triều và tiếp sứ mà thôi. Từ đó về sau, họ Trịnh cứ thế tập tước Vương, gọi là chúa Trịnh.

Sử gia Phan Huy Chú trong sách Lịch triều hiến chương loại chí đánh giá cao Triết vương Trịnh Tùng: “Ông tính khoan hậu, yêu người, khéo vỗ về tướng sĩ, đoán tình thế của giặc không sai, dùng binh như thần. Trong 20 năm kinh dinh đất nước, cuối cùng dẹp được kẻ tiếm nghiệp, khôi phục nhà Lê, công trùm thiên hạ, oai hùng khắp nơi, mới được sắc phong vẻ vang, lễ đãi long trọng. Ông thực sự làm chúa, cầm quyền bính, công lao sự nghiệp danh vọng lừng lẫy”(1).

Khôi phục nhà Lê sau hàng chục năm chiến tranh Nam - Bắc Triều(2), tất yếu đòi hỏi vua Lê-chúa Trịnh phải coi trọng và quan tâm đến Nho giáo để xây dựng chính quyền cai trị đất nước. Tuy nhiên tuân theo lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đối với thân phụ Trịnh Kiểm: “giữ chùa thờ Phật thì ăn oản”(3). Trịnh Tùng vẫn có những chính sách ứng xử hài hòa, khôn khéo tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển.

Sử liệu cho biết, mỗi khi có việc quan trọng, Trịnh Tùng đều cử thuộc cấp đến chùa tế, lễ,

chẳng hạn như năm 1592, đến lễ ở chùa Thiên Xuân, huyện Thanh Oai (nay thuộc thôn Phùng Khoang, quận Hà Đông, Hà Nội); Năm Nhâm Tý (1612), đến lễ cầu an tại Huyền Thiên huyện Thọ Xương. Năm Mậu Ngọ (1618) đến lễ ở chùa Chúc Thánh và chùa Thanh Lâu ở huyện Thọ Xương.

Ngoài ra, Triết vương còn tổ chức dựng đàn, cầu tế, như năm 1578, Trịnh Tùng cho dựng hành cung ở xã Vạn Lại, sau đó lại cho dựng đàn Nam Giao ngoài lũy Vạn Lại để tế trời đất. Năm Đinh Dậu (1597), cả nước gặp kỳ đại hạn, Trịnh Tùng cho đắp đàn ở Cầu Muống, thành Đại La để tế trời đất cầu xin mưa rào. Để giúp cho cầu đảo được linh nghiệm, Trịnh Tùng đã phái quan thượng thư Bộ Lễ là Nguyễn Bính đứng ra sưu chỉnh lý thiên Thần tích về các vị tôn thần địa phương vào năm Hồng Phúc 1 (1572) đời Tống. Các bản thần tích này đến đời Vĩnh Hựu lại được Nguyễn Hiền chỉnh lý sao lục.

Chúa Trịnh Tùng trực tiếp ban hành những lệnh chỉ chấn chỉnh việc lấn chiếm ruộng đất của nhà chùa, ban ruộng đất cho chùa, bảo vệ quyền lợi cho nhà chùa. Như lệnh chỉ bắt địa phương phải trùng tu chùa chiền. Trả lại ruộng đất cho chùa Đò Mát (1604), chùa Nhật Chiêu, Linh Tiên quán (1616), chùa Chúc Thánh (1618).

Năm Giáp Thìn (1604), Bình An vương Trịnh Tùng cho chính quyền địa phương tu sửa chùa Đò Mát ở xã Hà Dương, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa. Sự kiện này được Hoàng giáp Nguyễn Duy Thì ghi lại trong tấm bia chùa Đò Mát(4) khắc năm 1626: *“Đô Nguyên soái Tổng quốc chính Thượng phụ Bình An vương thi hành thiện chính, mở rộng thiện tâm đến ngày 21 tháng 2 năm Hoàng Định thứ 4 (1694) phê duyệt.*

Xã Hà Mát có dải đất phù sa được xem là đất quan thổ ghi trong sổ điền bạ của bản xã, trong đó có khu chợ, phía trên gồm dải phù sa của xã Bái Cương, phía dưới đến tận Đường Bến. Nay đã phê chuẩn cúng cho chùa thờ Phật làm đất hương hỏa cần được trao trả cho mọi người lớn nhỏ trong xã thay phiên nhau cày cấy. Hàng năm thôi không phải nộp thuế cho Bộ Hộ mà đem giao cho bản xã sắm biện hương hỏa thờ Phật”.

Nghiêm cấm thôn Nhuệ không được chiếm đoạt xếp đất này vào đất quan thổ của bản xã.

Lệnh chỉ của Trịnh Tùng đã được nhân dân ở Hà Dương thực hiện nghiêm chỉnh, họ thiết lập ra điều lệ khắc vào bia đá, cam kết cùng nhau gìn giữ đất lễ quê thói, cam kết không vi phạm lệnh chỉ của Bình An vương: *“Bản xã có dải đất phù sa, phía trên từ bãi phù sa xã Bái Cương, phía dưới đến tận Đường Bến đã vâng theo lệnh chỉ cúng làm ruộng hương hỏa, nhân đó cho dựng bia đá để truyền lại lâu dài. Từ nay về sau hễ kẻ nào đó có manh tâm chiếm đoạt đất này làm của riêng không cúng dàng Phật, thì xin hoàng thiên hậu thổ cho đến chư vị thần linh ở bản tự soi xét tru diệt hết con cháu kẻ đó. Nay xin thề!”*

Cũng trong tấm bia này, người soạn là Hoàng giáp Nguyễn Duy Thì đã hết lời ca ngợi tấm lòng hướng thiện, từ bi ủng hộ Phật pháp của Bình An vương Trịnh Tùng. Ông cực lực tán thán lời dạy của chúa Trịnh là niềm vui lớn nhất của đời người là làm việc thiện. Vì thế, ông đã mượn lời kết cho bài văn bia Đò Mát tự bi. Ông viết: *“Trước đây Bình An vương từng nói, niềm vui lớn nhất của đời người là làm việc thiện. Lời ấy thực sự có ý nghĩa lớn lao, do vậy hôm nay*

tôi xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ và viết vào bài minh văn này”(5).

Năm Mậu Thân (1608), Trịnh Tùng ban lệnh chỉ cho chính quyền địa phương ở xã An Lạc, huyện Thụy Nguyên, phủ Thọ Xuân (nay thuộc Thanh Hóa) phải bảo vệ, trùng tu chùa ở xã này. Sự kiện này đã được Hoàng giáp Phùng Khắc Khoan ghi lại trong tấm bia Phàm công đức bi (ký hiệu thác bản tại Viện Hán Nôm: No13484) ghi lại.



Chùa Côn Sơn (Hải Dương)-Ảnh: St

Chùa Côn Sơn (chùa Hun), huyện Phượng Nhãn (nay là Chí Linh), bị hư hại từ thời Hậu Lê. Năm Nhâm Dần (1602), sư trụ trì Tuệ Pháp cùng tăng chính Huệ Hưng đứng ra vận động tăng, ni, thiện nam tín nữ đóng góp công của để trùng tu chùa. Năm Bính Ngọ (1606), sư Tuệ Pháp cùng các hội chủ tiếp tục đóng góp xây Tam quan, làm Hành lang, Thượng điện, cột Thiêu hương, tô tượng Phật.

Năm Quý Sửu (1613), Trịnh Tùng sắc chỉ cho xã Cổ Ngãi, huyện Phượng Nhãn lo phụng thờ chùa Côn Sơn. Cung tần Lê Thị Ngọc Chu, Thái úy Trịnh Đổ, quận chúa Trịnh Thị Ngọc Liễu đã cúng dường trùng tu chùa và cúng cho chùa 21 mẫu 7 ruộng ở xứ Hô Quan.

Năm Ất Mão (1615), niên hiệu Hồng Định thứ 16, vua Lê Kính Tông lại cho đổi tên chùa An Quốc thành chùa Trấn Quốc. Với sự đổi tên này cho thấy vua Lê chúa Trịnh đã thành tâm tin vào Phật giáo, muốn dựa vào Phật giáo để phục hưng lại đất nước sau hàng trăm năm nội chiến điêu tàn, dân chúng đói khổ.

Năm Bính Thìn (1616), Bình An vương ban lệnh chỉ ban cho chính quyền địa phương trùng tu chùa quán, trả lại ruộng cho quán Linh Tiên (xã Cao Xá, huyện Đan Phượng nay thuộc xã Cao

Thượng, huyện Hoài Đức), Hà Nội. “Lệnh chỉ. Tại nơi Linh Tiên quán cổ tích có một đoạn ao Tam bảo, nay giao cho các quan trong nha môn điều tra xác thực quả đúng là khúc ao Tam bảo đã bắm báo lên, nay phán truyền rằng hãy trả lại đoạn ao Tam bảo cho Linh Tiên quán trên từ xứ Cửa Ải thuộc địa phận xã Cao Xá. Tất cả giao cho bản quán, hàng năm thu tiền đèn hương và lễ Sóc Vọng, truyền lại cho muốn đời sau cúng dàng chư Phật mãi mãi phù giúp đất nước. Lại cho phép bản quán được phép làm việc cầu đảo cho nhà nước tốt lành, dân địa phương được làm dân tạo lệ, nếu có những việc sơ sai đều được miễn trừ. Nay ban lệnh”(6).

Năm Mậu Ngọ (1618), Bình An vương ban Lệnh chỉ cho chính quyền địa phương trùng tu chùa, trả lại ruộng đất cho chùa Chúc Thánh (phường Hồ Khẩu, huyện Quảng Đức, nay thuộc phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội): “Đô nguyên soái, Tổng Quốc chính Thượng phụ Bình An vương ban Lệnh chỉ cho bọn Trưởng phường phường Hồ Khẩu là Nguyễn Văn Bân, Vũ Doãn Địch, Nguyễn Văn Điển, nay có tri phủ phủ Phụng Thiên là Xuân Lan Tử Nguyễn Tự Cường dâng khai lên trình báo rằng ở phường ấy có chốn cổ tích là các chùa Chúc Thánh, Tĩnh (Thanh) Lâu, nguyên có số ruộng hương hỏa gồm mười mẫu bị người khác xâm chiếm đã trải qua bàn luận thấy cần trao trả toàn bộ mười mẫu ruộng hương hỏa ấy cho chùa để tiện việc thờ phụng. Cấm không ai được cản trở tranh chấp. Kẻ vi phạm sẽ bị trị tội. Nay ban lệnh”(7).

Bình An vương Trịnh Tùng cho phép xây dựng, tôn tạo nhiều chùa. Nhiều ngôi chùa được chúa Trịnh Tùng cho phép dựng mới, tu sửa tại Thanh Hóa - quê hương của dòng họ Trịnh.

Chùa Bảo Sơn, thôn Nhuệ, xã An Hoạch, huyện Đông Sơn được tôn tạo năm 1605: bao gồm sửa một tòa nhà, thay 8 cột đá, đắp 17 pho tượng, xây 3 bậc đá, một thêm đá, một giếng đá và hành lang quanh chùa.(8) Năm 1623, chùa lại được trùng tu.(9)

Chùa Tiên Sơn ở Giáp Nhuệ, xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn được trùng tu năm 1617 đến năm 1619 hoàn thành, khắc bia ghi lại.(10)

Chùa Báo Ân ở xã Đông Hưng do Trịnh Kiểm xây dựng. Năm 1585, Trịnh Tùng cho mở rộng chùa.(11)

Chùa Phúc Hạ, xã Hạ Thanh, huyện Thọ Xuân được trùng tu năm 1587.(12)

Bia ở chùa Du Anh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa (ký hiệu No.VHn1793) do Quốc Tử giám Tế tửu Mai lĩnh hầu Phùng Khắc Khoan soạn cho biết: năm 1606 chùa được trùng tu từ năm Tân Sửu (1601) đến năm Ất Ty (1605) hoàn thành với chùa cảnh có quy mô rộng lớn tượng Phật được đắp, nội điện được trang hoàng tựa như nơi Phật xuất thế ở nước Thiên Trúc. Trên chùa có động Hồ Công, có Tiên ở. Tiên là Phật, Phật cũng là Tiên.

Ngoài ra còn có các chùa như, chùa Khánh Quang ở xã Trạch Lâm, chùa Đò Mát xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa tạo dựng năm 1604, trùng tu năm 1626, chùa Đại Bi núi Mật Sơn, thành phố Thanh Hóa, chùa Đại Khánh, chùa Hồi Long xã Hoàng Đông, chùa Càn Đà tu tạo năm 1611...

Ở nhiều địa phương khác hoạt động tu sửa chùa, tạo tượng, đúc chuông diễn ra khá mạnh mẽ: chùa Xuân Vi xã Xuân Vũ, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình tôn tạo năm 1604; chùa Tư Phúc ở Côn Sơn, huyện Chí Linh, Hải Dương được tu bổ năm 1606; chùa Keo xã Hành Thiện, huyện

Xuân Trường, Nam Định tôn tạo năm 1612. Chùa Linh Quang xã Mộ Trạch, huyện Bình Giang, Hải Dương tôn tạo năm 1619...



Chùa Keo (Thái Bình)-Ảnh: Minh Khang

Trịnh Tùng mất tại chùa Thanh Xuân, huyện Thanh Trì, Hà Nội tháng 6 năm 1623.

Trong bối cảnh phải cầm quân đánh bại nhà Mạc, ổn định và phát triển đất nước, Bình An vương Trịnh Tùng đã có những việc làm tạo điều kiện cho Phật giáo hồi phục và phát triển sau này.

2. Chúa Thanh Đô vương Trịnh Tráng (1623-1659)

Ngài sinh tháng 8 năm 1550, là con trưởng của Triết vương Trịnh Tùng. Khi em Trịnh Tráng là Trịnh Xuân gây biến, ông đưa vua Lê Thần Tông về Thanh Hóa (1623). Mùa thu năm ấy, được phong lên làm Hiệp mưu đồng đức công thần, Tiết chế Thái úy Thanh quốc công, rồi ông lại đón vua về cung. Năm sau được tôn phong Nguyên súy Tổng quốc chính, Thanh Đô vương. Khi mới cầm quyền, tuổi đã 47, chúa đã trừ hết nạn nước, hòa hợp nhân dân. Khi trong nước đã định, chúa tín trọng Nho thần, giảng cầu chính lý, kính cẩn, cần kiệm, khiêm tốn, nhún nhường, giữ gìn phép tắc, công nghiệp hơn đời trước, nêu ở đời sau. Chúa phò tá các vua Lê Chân Tông (1643-1649), Lê Thần Tông(13), được phong đến Đại nguyên súy, Tổng quốc chính sự phụ, Thanh Đô vương. Nhà Minh sách phong là Phó quốc vương. Lại được gia tôn Thượng

chúa sư phụ công cao thông đoán nhân thánh Thanh vương.

Thanh Đô vương Trịnh Tráng rất sùng mộ đạo Phật. Con cháu và các cung phi tần có người xuất gia và chính Trịnh Tráng cũng cho xây dựng và trùng tu rất nhiều chùa ở Đàng Ngoài.

Năm Ất Sửu 1625, trùng tu chùa Hiến (Thiên Ứng tự), nay là đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên.

Năm Bính Dần (1626), bà Trịnh Thị Ngọc Hoa trùng tu chùa Sùng Đức, Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, chùa có tháp đặt xá lợi của quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cẩm.(14)

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lạo (1597-1653), là con viên Tả phù Đô đốc Uy quận công họ Nguyễn quê xã Phú Lộc, phủ Quốc Oai. Bà trở thành cung phi của chúa Trịnh Tráng. Là người giàu lòng nhân đức, đã quy y Tam bảo lấy hiệu là Diệu Pháp, năm nào cũng về lễ chùa Yên Tử. Bà cúng 5 pho tượng tạc bằng trầm hương và gỗ bạch đàn thơm, thuê thợ thiếp vàng nhang án Chính điện chùa Hoa Yên. Ít lâu sau, bà bỏ ra 20 dật hoàng kim (mỗi dật 12 lạng vàng) mua ruộng cấp cho dân nghèo ở vùng núi Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

Chùa Quỳnh Lâm, xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, dựng từ thời Lý, được mở rộng trùng tu thành Trung tâm Phật giáo thế kỷ XIV thời Pháp Loa Tôn giả. Năm Đức Long thứ nhất (Kỷ Tỵ 1629) chúa Trịnh Tráng đã cho xây dựng Phật điện, Thiêu hương, Tiền đường, nhà Hậu Phật, tả hữu hành lang, nhà Tăng, nhà Kho, Tam quan, gác chuông, tổng cộng 103 gian.

Chùa Keo (Thần Quang tự) huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình: bà Lại Thị Ngọc Lễ, vợ Tuấn Thợ hầu Hoàng Nhân Dũng đã đứng ra vận động quyên góp xây dựng chùa. Đông cung vương phi Trịnh Thị Ngọc Thợ làm Hội chủ. Xây năm 1630 đến 1632 hoàn thành. Chùa có 154 gian làm bằng gỗ quý hiếm.

Năm Nhâm Thân (1632), đời vua Lê Thần Tông trùng tu chùa Tây Phương (Sùng Phúc tự), thôn Yên, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội: xây dựng 3 gian Thượng điện và Hậu cung cùng 30 gian Hành lang. Năm Ất Hợi (1635), tạc tượng Quan Âm 12 tay ở chùa Tây Phương.

Thiền sư Đạo Tâm Vũ Khắc Trường được cung tần trong phủ chúa Trịnh là Ngô Thị Ngọc Nguyên, nay đổi thành Lê Thị Ngọc Nguyên, hiệu Như Ý Bồ tát và các công tôn Trịnh Thụ, Trịnh Căn, Trịnh Quế góp tiền trùng tu chùa Đậu (Pháp Vũ tự), thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín vào năm Bính Tý (1636) đến năm Đinh Sửu (1639) hoàn thành. Lễ khánh thành được Hòa thượng Đạo Long Tăng lục ty Tăng thống khai lễ(15).

Theo lời xin của đệ nhất cung tần Trần Thị Ngọc Am, chúa cho Ngọc Am xuất gia với Minh Hành Tại Tại ở chùa Phật Tích với pháp danh là Pháp Giới. Sau đó Chúa cho trùng tu chùa Phật Tích ở núi Tiên Du, Bắc Ninh (Vạn Phúc tự).

Theo lời xin của con gái Trịnh Thị Ngọc Trúc (vợ vua Lê Thần Tông) pháp danh Pháp Tính, chúa cho trùng tu chùa Ninh Phúc, thôn Nhạn Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh (đến thời Nguyễn Tự Đức đổi tên là chùa Bút Tháp) vào năm Quý Mùi (1643), công trình rất lớn. Năm Giáp Thìn (1644), Hòa thượng Chuyết Chuyết viên tịch, theo lời đề nghị của Pháp Tính (Trịnh Thị Ngọc Trúc) chúa cho xây tháp Báo Nghiêm để thờ Chuyết Công.



Chùa Bút Tháp (Bắc Ninh)-Ảnh: Minh Khang

Theo văn bia và biển ngạch (hoành phi) tại chùa Bút Tháp ghi lại thì vua Lê Thần Tông và chúa Trịnh Tráng đã cho xây dựng lại chùa và dựng biển ngạch "*Sắc kiến Ninh Phúc thiền tự*" vào năm Quý Mùi (1643) niên hiệu Phúc Thái thứ 1. (vua Lê Thần Tông xuống sắc vào mùa Hè năm Quý Mùi niên hiệu Dương Hoà thứ 8; tới tháng 10 cùng năm vua truyền ngôi cho thái tử Duy Hựu tức Lê Chân Tông niên hiệu Phúc Thái, nên năm 1643 được tính là năm Phúc Thái thứ 1).

Chùa đang xây thì Chuyết Công viên tịch năm 1644, thiền sư Minh Hành trở thành sư Tổ đời thứ 35 dòng Lâm Tế và kế đăng trụ trì chùa Bút Tháp, thay thầy tiếp tục chỉ đạo xây chùa.

Năm Bính Tuất (1646) Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (Diệu Viên) và con gái là quận chúa Lê Thị Ngọc Duyên (Diệu Tuệ) đã xin chúa Thanh Đô vương xuống Lệnh chỉ hỗ trợ tịnh tài, ruộng lộc cho việc hưng công chùa (xem Vâng lệnh chỉ).

Năm Bính Tuất (1646), niên hiệu Phúc Thái thứ 4 ngày 19 tháng 10. Thanh Đô vương Trịnh Tráng xuống Lệnh chỉ với nội dung:

Vâng lệnh chỉ

Chính cung Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc(16) kính vâng theo lệnh chỉ của Đại Nguyên soái Thống quốc chính Thái thượng Sư phụ Thanh vương.(17)

Vốn trước nhà Chúa đã chuẩn y cho binh dân xã Nhạn Tháp, huyện Siêu Loại(18) phân hạng theo các ngạch thuế được tùy nghi ăn lộc. Nhưng trộm thấy trong nội hạt thuộc bản xã có ngôi cổ tích danh lam là chùa Ninh Phúc nay được dựng sửa lại. Do đó lấy lại các hạng mục nêu trên của xã để sử dụng vào việc trông nom và đèn nhang cho chùa theo đúng mùa vụ. Đồng thời lấy số hoa mầu thu được từ số ruộng thế nghiệp được chia của Quận chúa là Lê Thị Ngọc Duyên(19), pháp hiệu là Diệu Tuệ ở Cổ Lộng, thuộc trang Nhuệ Hưng Hiền, huyện Yên Mô(20) cũng sung vào chùa để lo việc công đức. Nhân đây cũng ưng thuận và chuẩn y cho các hạng mục nêu trên được dùng vào việc trông nom và đèn nhang, cứ theo mùa mà lo việc.

Đạo Phật phù trợ khiến vận nước vững bền. Mỗi năm những việc xây dựng, bồi đắp đê điều, đường xá cùng với việc chi phí theo các hộ gia đình đón tiễn các sứ thần, sưu sai phu dịch đều chuẩn y miễn bỏ. Các quan phụng sai ở các nha môn chiếu theo lệnh chỉ này mà thi hành, không được phép quấy nhiễu tróc người. Kẻ nào trái mệnh thì y theo xử tội. Nay ban lệnh này.

Ngày 19 tháng 10 niên hiệu Lê Phúc Thái năm thứ 4 (1646).

Nội án lại giữ tước Phương Lộc nam là Nguyễn Đắc Thọ thừa mệnh viết.

Nội dung bia Vàng lệnh chỉ cho ta thấy: Chúa Trịnh Tráng đánh giá cao giáo lý của dòng thiền Lâm Tế, khi viết: “Đạo Phật phù trợ khiến vận nước vững bền”. Chính vì lý do đạo Phật phù trợ cho vận nước vững bền nên chúa Trịnh đã hỗ trợ ngay lập tức theo lời đề nghị của con gái mình là Trịnh Thị Ngọc Trúc bằng việc ra Chỉ lệnh bắt cấp dưới phải tuân theo trong việc cúng cấp, tạo nguồn tịnh tài cho việc xây dựng lại chùa Ninh Phúc – trung tâm truyền bá dòng thiền Lâm Tế Đàng Ngoài.

Phụng lệnh chỉ là chỗ dựa vững chắc cho Phật giáo phát triển và Phật giáo không quên tri ân quốc gia bằng việc dựng bia này.

Thế mới hay chân lý: Phật giáo phải tranh thủ được sự quan tâm giúp đỡ của nhà nước thì mới hưng thịnh được và nhà nước cần tranh thủ được sự ủng hộ của Phật giáo mới có lòng tin xây dựng đất nước vững bền.

Đây là một tấm bia mang Lệnh chỉ gần như duy nhất ở Việt Nam hiện được lưu giữ tại chùa Bút Tháp.

Nhờ sự giúp đỡ to lớn về vật chất và tinh thần của hoàng gia và sự chỉ đạo sát sao của sư Minh Hành, năm Đinh Hợi (1647), việc xây dựng lại chùa đã hoàn tất và được đặt tên là Ninh Phúc Thiền tự - chùa Ninh Phúc(21).

Bia chùa Đông Môn (Cửa Đông, Hà Nội) soạn năm Vĩnh Tộ thứ 4 (Nhâm Tuất 1622) ở phố Hàng Đường viết: “Tiểu tăng này, tên Nguyễn Văn Hiệp tự là Đạo Án và vợ hiệu là Diệu Bi vốn có một mảnh đất mua đứt của một vị Tăng thống ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, tên là Phạm Đức, hiệu là Đạo Tâm và vợ là Phạm Thị Mi hiệu là Từ Liên, với giá 300 quan tiền cổ. Nay Đạo Án này và vợ đem khu đất ấy cúng làm đất chùa, hưng công xây dựng cho chốn Bồ Đề được mở rộng. Khi mọi việc làm xong, được vị Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô vương đời chúa Trịnh thứ ba trị vì từ 1622-1652, nghĩ tới tiểu Tăng đã có hăng sản, lại có hăng tâm. Nên

chuẩn ban cho làm chùa tư (tư tự) có thể truyền lại cho con cho cháu, có việc trụ trì, đốt hương, chúc Thánh". Rõ ràng là có những ngôi chùa tư, thuộc sở hữu gia đình, con cháu được quyền thừa kế. Chùa thế kỷ XVII quả thật đa dạng.

Chùa Mía (Sùng Nghiêm tự), xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, Sơn Tây, có từ trước, nhưng đến năm Đức Long thứ 4 (Nhâm Thân 1632) mới xây các tòa Thượng điện, Thiêu hương, Tiền đường và hành lang bên trái, hành lang bên phải. Do bà Ngô Thị Ngọc Loan vợ của Uy Lễ hầu Nguyễn Quảng Chính cùng các cung tần phủ chúa là Nguyễn Thị Ngọc Rệu, Nguyễn Thị Ngọc Thạch, đến năm Tân Mão 1634 khánh thành.(22)

Mùa Đông năm Ất Dậu (1645), chùa Tĩnh Lự (Phúc Long tự, tức chùa Thiên Thai) ở Bắc Ninh lại một lần nữa nhận được sự quan tâm đặc biệt của bậc Quân vương. Đó là khi chúa Trịnh Tráng đi kinh lược vùng Đông-Bắc bằng thuyền, theo dòng Thiên Đức (tức sông Đuống), đến chân núi Thiên Thai, gặp cảnh sông nước, núi non linh thiêng, đã hỏi ngọn ngành sự tích, để rồi, chuẩn tấu cho xuất 300 lạng bạc, giao cho Quận công Nguyễn Công Hiệp lo việc kiến thiết.

Tĩnh Lự trở thành một Quốc tự để các bậc công khanh, đại thần trong vương triều Lê – Trịnh theo gương Triều đình, bỏ tiền công đức. Thái Thượng hoàng Lê Duy Kỳ 100 lạng bạc. Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc 40 lạng, Trịnh Tạc 50 lạng và Trịnh Lê 30 lạng.

Sau 3 năm khẩn trương xây dựng, năm Mậu Tý 1648, chùa được hoàn thành. Tĩnh Lự Thiên tự bi ký, do Tiến sĩ Nguyễn Duy Thì soạn thảo ghi rõ: *"Chùa làm theo hướng cũ, rộng và dài, to nhiều so với trước. Tiền đường có 4 cửa cao rộng, tả hữu có dãy hành lang, thềm ngoài có cột bao quanh bằng đá, giữa chùa có lối lên kê đá. Ngoài Chùa có bia đá lớn đặt trong nhà đá 4 chân cột, mái che chõng diêm 8 mái, cũng bằng đá. Nội tự có tòa sen óng ánh, trong Tam bảo có bức hoa sen chín tầng rực rỡ, chạm khắc tượng đức Phật giáng lâm và 3000 tòa đặt tượng La Hán lung linh".*

Văn bia cũng cho hay, sau khánh thành, Tĩnh Lự là một trong ba đại danh thắng ở vùng Đông-Bắc thời Đại Việt thế kỷ XVII.

Sư Nguyễn Tuấn Đức trụ trì chùa Pháp Quang, Nam Định được cung tần, cung phi, quan tướng, tăng, ni giúp trùng tu. Tăng thống là Tuệ Uyên thế danh Bùi Bách Niên soạn bia năm Canh Thìn (1640).(23)

Chùa Thầy (Phật Tích tự) được dựng từ thời Lý ở chân núi Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Sơn Tây. Đầu thế kỷ XVII, Dĩnh Quận công cùng hoàng tộc chăm lo việc trùng tu, xây dựng điện Phật, điện Thánh; sau đó là nhà Hậu, nhà Bia, gác Chuông. Hai chiếc cầu Nhật Tiên và Nguyệt Tiên do Hoàng giáp Phùng Khắc Khoan xây năm 1602.

Tỷ khiêu ni Dương Thị Ngọc Kính trụ trì chùa Thầy và chúa Trịnh hộ pháp trùng tu chùa Long Đẩu xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Sơn Tây từ 1620-1630.

Từ 1632-1634, sư Phúc Nguyên và Ni sư Từ Duyên được cung tần phủ chúa giúp trùng tu chùa Cự Đà ở thôn Khoan Tế, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tăng thống Nguyễn Như Ý cùng phật tử góp tiền trùng tu chùa Đại Bi ở Nam Trực, Nam Định.

Tăng thống Tăng lục ty Trần Kim Thành, soạn bia năm 1635.

Hòa thượng Pháp Tín cùng phu nhân quan viên cúng tiền trùng tu chùa Đại Bi, Hà Tây (theo bia 1640), đến năm 1641, phu nhân quan viên khác cúng dường thêm đất.(24)

Sư Pháp Chính, thế danh Ngô Quang Phụ, trùng tu chùa Sùng Phúc, huyện Phù Cừ, Hưng Yên năm Giáp Thân (1644).

Chùa Trấn Quốc (Q.Tây Hồ, Hà Nội) ban đầu có tên là chùa Khai Quốc, xây dựng vào năm 541 thuộc thời Tiền Lý. Lúc đó, chùa nằm gần bờ sông Hồng bởi vậy khi đê sạt lở vào năm 1615 đời vua Lê Kính Tông, chùa được di dời vào phía trong đê Yên Phụ khu gò đất Kim Ngưu. Sau đó, trong khoảng thế kỉ XVII, chúa Trịnh cho đắp đê Cổ Ngự (nay là đường Thanh Niên) để nối với đảo Kim Ngưu. Chùa được trùng tu lớn năm Kỷ Mão (1639) niên hiệu Dương Hòa thứ 5, vua Lê Thần Tông: trước hết dựng Hậu đường, Cổng có gác, tiếp theo dựng hành lang bên trái và bên phải, định ra từng dãy, chia ra từng tòa, quy mô lớn, sức lực nhiều, so với người trước công lao gấp trăm lần,

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú, chính phi của Trịnh Tráng là một người ủng hộ mạnh mẽ Phật giáo. Bà đã hỗ trợ việc hưng công trùng tu hai thiền viện lớn là Trạch Lâm (Khánh Quang tự) ở quê nhà (xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hoá) và Từ Ân ở làng Quảng Bá, ngoại ô kinh thành Đông Đô.

Vua Lê Thần Tông trị vì đợt 1 (1619) và đợt 2 (1649-1662), trong một lần về xứ Thanh, ngưỡng mộ cảnh đẹp vùng núi Kỳ Lân đã sai dựng một ngôi chùa cạnh núi, đặt tên là chùa Đại Bi. Sau này đặt mộ của Lê Thần Tông tại chùa.(25)

Đông cung vương phi Nguyễn Thị Ngọc Soái bỏ tiền ra tu sửa điện sư tổ chùa Thanh Văn ở trang Mỹ Quan, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, Thanh Hóa. Chánh phu nhân Trịnh Thị Ngọc Nguyệt – con gái trưởng của ngài Phụ quốc Thuần tín Dương vũ.

Năm Quý Tỵ (1653), thiền sư Chân Phúc cùng cung tần trùng tu chùa Sùng Báo Tứ Ân ở Sơn Nam.

Năm Ất Mùi (1655), vua Lê Thần Tông sắc phong chùa Đậu (Pháp Vũ tự) xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín là “*An Nam đệ nhất danh lam*” (Danh lam bậc nhất nước Nam).



Chùa Láng (Hà Nội)-Ảnh: Minh Khang

Chùa Láng (Chiêu Thiên tự), phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội dựng từ thời Lý Anh Tông (1138-1175), thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh, được nhà nước quan tâm bảo trợ. Bia do Tiến sĩ Nguyễn Văn Trạc soạn năm 1656 có đoạn: *“Ngày 15 tháng 5 năm Thịnh Đức thứ 4 (1656) vâng ban lệnh dụ chuẩn cấp cho toàn bộ các hạng quan viên chức sắc, bình dân xã Yên Lãng số tô ruộng công trong xã để làm thế nghiệp, các thuế hô, ao, bến đò và các ngạch thuế các hạng ruộng, toàn số chuẩn cho làm tạo lệ chùa Chiêu Thiên, lưu truyền muôn đời để tiện việc thờ cúng, dâng hương chúc Thánh, tôn sùng đạo Phật, vận nước dài lâu. Các nha môn được sai đến phải tuân lệnh này, miễn trừ tất các thuế đinh hàng năm, cũng như miễn việc đắp sửa đê, đường cùng phu phen tạp dịch cho các hộ dân, không được quấy rà, bắt bớ. Ai vi phạm lệnh này là có tội”*.

Năm Bính Thân (1656), các nội thị cung tần Nguyễn Thị Ngọc Hân, Ngọc Cơ, Ngọc Duyên cùng quận chúa Trịnh Thị Ngọc Phương cúng tiền của để trùng tu chùa Côn Sơn và mua ruộng cúng cho chùa.

NNC Nguyễn Đại Đồng

Tạp chí Nghiên cứu Phật học **Số tháng 9/2023**

Còn tiếp...

CHÚ THÍCH:

- (1) Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, Nxb Giáo dục, 2007, tập 1, tr. 251.
- (2) Chiến tranh Nam – Bắc triều tức chiến tranh giữa triều Lê (Nam) và triều Mạc (Bắc) kéo dài 60 năm từ 1533-1592.
- (3) Năm 1556, vua Lê Trung Tông mất không có con nối. Trịnh Kiểm muốn thay nhà Lê làm vua, nhưng còn ngại những lời dị nghị nên sai người đi hỏi Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Trạng Trình mách khéo rằng: “Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản”. Trịnh Kiểm hiểu ý bèn tìm người trong dòng dõi nhà Lê là Lê Duy Bang (cháu 5 đời của Lê Trừ – anh Lê Lợi) lập làm vua, tức Lê Anh Tông.
- (4) Ký hiệu thác bản, lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm: No2569-70.
- (5) Đinh Văn Viễn, Bình An vương Trịnh Tùng với Phật giáo, Từ Quang số 42, ra quý IV năm 2022, tr118-126.
- (6) Đinh Văn Viễn, Bình An vương Trịnh Tùng với Phật giáo, Từ Quang số 42, ra quý IV năm 2022, tr118-126.
- (7) Bia chùa Chúc Thánh dựng năm 1622 cũng nói đến việc rước hương hỏa của chùa Tĩnh Lâm và Chúc Thánh bị người có thế lực chiếm dụng, nhưng đến năm Canh Thân 1620, Trịnh Tùng đã ra sắc chỉ vàng ngọc này.
- (8) Bảo Sơn tự bi ký, ký hiệu No 16672.
- (9) Tu tạo Bảo Sơn tự bi, ký hiệu No 16666.
- (10) Tân tạo Tiên Sơn tự bi, ký hiệu No.16696.
- (11) Trùng tu Báo Ân tự bi ký, ký hiệu No17545, ghi tên các ông Nguyễn Từ Cao, Nguyễn Hoàng Hiến đóng góp và Phật sự này.
- (12) Văn bia ký hiệu No 1917.
- (13) Lê Thần Tông làm vua 2 kỳ: kỳ I (1619-1643), do vua Lê Thuần Tông (1643=1649) không có con nên Lê Thần Tông lại làm vua Kỳ II (1649-1652).
- (14) Nguyễn Hiền Đức, Lịch sử Phật giáo Đàng Trong, Nxb Tổng hợp Tp HCM, 1999.
- (15) Thích Đồng Bồn (chủ biên) Phật giáo thời Hậu Lê, Nxb Tôn giáo, 2014, tr 382-384 và Nguyễn Hiền Đức, Lịch sử Phật giáo Đàng Ngoài, Nxb Tổng hợp Tp HCM, tr157.
- (16) Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc: Còn gọi là bà chúa Kim Cương, pháp danh Diệu Viên, đạo hiệu là Pháp Tính, theo Hòa thượng Chuyết Công xuất gia tu hành tại chùa Phật Tích và Bút Tháp. Bà là vợ vua Lê Thần Tông, con gái chúa Trịnh Tráng, mẹ của Quận chúa Lê Thị Ngọc Duyên.
- (17) Thanh vương: Hay Thanh Đô vương, tức Văn tổ Nghị Vương Trịnh Tráng (1623-1657).
- (18) Xã Nhạn Tháp, huyện Siêu Loại: Tên xã, huyện thời Hậu Lê, nay là xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành.
- (19) Lê Thị Ngọc Duyên (1615-1664): Quận chúa, con gái Cường Quận công Lê Trự và Trịnh Thị Ngọc Trúc, là đệ tử của Minh Hành, lấy pháp hiệu là Diệu Tuệ, tu hành ở chùa Phật Tích.
- (20) Cồ Lộng, thuộc trang Nhuệ Hưng Hiền, huyện Yên Mô: Chưa tra được địa danh chính xác, chỉ biết thuộc huyện Yên Mô thời Lê Trung hưng thuộc Thanh Hoa ngoại trấn, thời Nguyễn phân tỉnh thì thuộc Ninh Bình ngày nay.
- (21) Nguyễn Đại Đồng-Nguyễn Thế Đông, Chùa Bút Tháp danh lam nổi tiếng đất Việt, Nxb Tôn giáo, 2019, tr106-107.
- (22) Hà Văn Tấn chủ biên, Chùa Việt Nam, Nxb Thế giới mới, 2009.
- (23) Nguyễn Hiền Đức, Lịch sử Phật giáo Đàng Ngoài, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1999.
- (24) Nguyễn Hiền Đức, Lịch sử Phật giáo Đàng Ngoài, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1999.
- (25) Đỗ Hoài Tuyên chủ biên, Chùa Việt Nam tiêu biểu, Nxb Tôn giáo, 2011, tr93.